

Số: 16 /BC-VPĐPNTM

Ia Grai, ngày 09 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO
Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã Ia Tô năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành hướng dẫn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình nông thôn mới của các Sở, ban, ngành tỉnh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Ia Tô tại Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 30/9/2020 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Tô của các cơ quan Thành viên Ban Chỉ đạo huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới đối với xã Ia Tô năm 2020 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 02/10/2020 đến ngày 05/10/2020).

1. Về hồ sơ của UBND xã Ia Tô

- Tờ trình của UBND xã Ia Tô về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Tô (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã Ia Tô (bản chính);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Tô (bản chính);

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã Ia Tô.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã đã phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn của huyện, đơn vị tư vấn tiến hành điều chỉnh quy hoạch, tổ chức công bố công khai điều chỉnh quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân, người dân trên địa bàn được biết.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Công tác lập và phê duyệt quy hoạch: UBND xã đã rà soát điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh. Đảm bảo chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và tập quán sinh hoạt của người dân tại địa phương. Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được UBND huyện Ia Grai phê duyệt.

+ Công bố, niêm yết, cắm mốc chỉ giới hạ tầng kỹ thuật: Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã được UBND xã công bố tại buổi lễ phát động toàn dân xã Ia Tô chung sức xây dựng nông thôn mới, đồng thời công bố cho các thôn, làng biết tại cuộc họp của thôn. Bản đồ quy hoạch đã được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã. Việc cắm mốc chỉ giới hạ tầng kỹ thuật đối với khu vực trung tâm xã được UBND huyện phê duyệt phương án cắm mốc khu trung tâm xã, thực hiện hoàn thành cắm mốc thực địa.

+ Ban hành quy chế quản lý quy hoạch chung xây dựng xã: UBND huyện đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch. Thực hiện công tác quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

- Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$.

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

UBND xã sử dụng nguồn vốn trực tiếp từ Chương trình nông thôn mới, lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, ngân sách địa phương và huy động nguồn lực trong dân, các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn để xây dựng các công trình giao thông. Việc đăng ký xây dựng các công trình được thực hiện công khai, dân chủ và được HĐND xã thông qua.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Đường giao thông trục xã, liên xã: Đã nhựa hóa 16,07km/16,07 km, đạt tỷ lệ 100 % theo quy định.

+ Đường trục thôn, xóm: Được cứng hóa 17,18km/20,52km, đạt 83,7%.

+ Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa đạt 62,01% (32,44km/52,31km).

+ Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện: cứng hóa 34,1/48,55 km, đạt tỷ lệ 70,24%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Căn cứ vào thực trạng tưới tiêu của các công trình thủy lợi trên địa bàn xã, từng công trình thủy lợi đều có báo cáo của các Công ty đứng chân trên địa bàn, Đội Quản lý khai thác các công trình thủy lợi huyện; thường xuyên tuyên truyền cho người dân biết về quy định của tiêu chí.

- Các nội dung đã thực hiện: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp gieo trồng cả năm: 3.845 ha.

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:

Diện tích gieo trồng cả năm được tưới theo thiết kế của các công trình thủy lợi: 1.425 ha, diện tích gieo trồng cả năm được tưới thực tế của các công trình thủy lợi: 1.453,4 ha. Do vậy, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động của các công trình thủy lợi đạt 102%.

Diện tích đất sản xuất không nằm trong khu tưới của công trình thủy lợi, được tưới từ các các nguồn nước như ao, suối, giếng khoan và nước mưa là 2.391,6ha/2.391,6ha đạt 100%.

Như vậy tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động là 3.845 /3.845 ha đạt 100%.

+ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ: Xã Ia Tô không nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai nhưng các hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn luôn được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu dân sinh. Hàng năm UBND xã xây dựng Kế hoạch, Phương án và tổ chức tốt Phòng, chống thiên tai nhằm tránh các thiệt hại do thiên tai gây ra; 100% cán bộ xã được tập huấn về công tác phòng chống thiên tai. UBND xã lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch sử dụng đất, phát triển dân sinh – kinh tế - xã hội – môi trường...có hệ thống loa đài đến các thôn để người dân được tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai; 100% những điểm có nguy cơ cao về thiên tai được lắp đặt hệ thống cảnh báo (các hồ, đập trên địa bàn đều được lắp biển cảnh báo). Hàng năm, tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn xã được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống thiên tai. Do vậy, đến thời điểm hiện nay trên địa bàn xã Ia Sao đã hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.
- Có tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện đạt 98% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Kiểm tra rà soát tổng hợp tình hình và số liệu về tỷ lệ hộ dân có sử dụng điện, trong đó nêu rõ số hộ có điện kế, số hộ sử dụng chung điện kế và số hộ chưa có điện sử dụng. Tranh thủ sự hỗ trợ của ngành điện hàng năm nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới hệ thống dây điện, các trạm biến áp để người dân sử dụng hệ thống điện ngày càng an toàn hơn.

UBND xã phối hợp với ngành điện thường xuyên kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn các hành vi tái phạm về an toàn điện nói chung như: Xây cất mái che, lều quán trong hành lang an toàn điện, kéo điện giăng mắc chằng chịt... kiên quyết xử lý những tổ chức, cá nhân gây mất an toàn điện, cố tình tái vi phạm; Chuyển giao quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, hạ tầng cơ sở của xã cho ngành điện để phân kỳ thực hiện; Kết hợp với chi nhánh điện lực phát hoang, giải toả các chướng ngại vật, nhà vi phạm hành lang an toàn lưới điện đảm bảo đúng theo quy định của ngành điện.

- Các nội dung và khối lượng thực hiện:

Đến nay hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu của ngành điện.

+ Trạm biến áp phân phối: 35 (Trạm biến áp 3 pha: 25; Trạm biến áp 1 pha: 10).

+ Đường dây trung thế: 30.592 km

+ Đường dây hạ thế: 43.233 km

- Xã có 3.107/3.126 hộ sử dụng điện an toàn và thường xuyên từ các nguồn đạt: 99,4%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí về trường học khi có tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tiến hành sắp xếp, bố trí các phòng học đảm bảo phục vụ nhu cầu học tập của con em trên địa bàn; lồng ghép các nguồn kinh phí để xây dựng, sửa chữa các lớp học, công trình phụ trợ trong trường học đảm bảo công tác dạy và học.

- Các nội dung đã thực hiện:

Xã Ia Tô có 6 đơn vị trường: Trường mẫu giáo 22/12, Trường mầm non 19/8, Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, Trường Tiểu học Lương Thế Vinh, Trường THCS Trần Hưng Đạo, Trường THCS Nguyễn Du.

+ Trường mầm non 19/8: đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

+ Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai: đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

+ Trường THCS Trần Hưng Đạo đã hoàn thành hồ sơ kiểm định chất lượng gửi về Sở giáo dục và đào tạo để tiến hành công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Trường Tiểu học Lương Thế Vinh và trường THCS Nguyễn Du cơ sở vật chất đáp ứng tốt công tác dạy, học và các hoạt động khác của nhà trường.

+ Trường Mẫu giáo 20/10 cơ sở vật chất đáp ứng được công tác dạy, học và các hoạt động khác của nhà trường.

Đánh giá: có 5/6 trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định, đạt 83,3%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã theo quy định cụ thể của UBND tỉnh Gia Lai.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Có 100% số thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã phối hợp các ngành đoàn thể tổ chức tuyên truyền đến nhân dân các thôn, làng đóng góp xây dựng cơ sở vật chất văn hóa trên địa bàn; đề nghị UBND huyện có kế hoạch đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã; xây dựng, bố trí đội ngũ cán bộ phụ trách Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã và các thôn, làng; xây dựng các kế hoạch hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Trung tâm Văn hóa – TT xã: xã đã thành lập trung tâm văn hóa thể thao xã theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của ủy ban nhân dân huyện Ia Grai. Trung tâm văn hóa thể thao xã được xây dựng riêng biệt, diện tích Hội trường 350 m², chỗ ngồi trên 250 chỗ, có 04 phòng chức năng (Phòng Truyền thống, phòng đọc sách báo, phòng sinh hoạt các câu lạc bộ, phòng truyền thanh), được trang bị đầy đủ bàn ghế, trang bị âm thanh, ánh sáng, đài truyền thanh; xã đã có Quyết định quy hoạch các thiết chế văn hóa thể thao trên địa bàn xã; trang bị các dụng cụ thể thao đáp ứng cho việc tổ chức các môn thể thao trên địa bàn.

+ Xã đã có Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm Trung tâm VH-TT xã, Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm, các thành viên của Trung tâm VH-TT xã và Quyết định phê duyệt Ban chủ nhiệm Nhà văn hoá – Khu thể thao cho 12 thôn, làng. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm VH-TT xã, Quyết định ban hành Quy chế hoạt động nhà văn hóa thôn, làng.

+ Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn, làng: Toàn xã có 15/15 thôn làng có nhà văn hóa, đáp ứng diện tích theo quy định, số chỗ ngồi từ 80 chỗ trở lên. Có 13/15 nhà văn hóa đáp ứng trang thiết bị, đạt trên 85%. Khu thể thao 15/15 thôn làng đáp ứng diện tích. Nhà văn hóa, nơi sinh hoạt văn hóa và khu thể thao đơn giản tương đối đảm bảo phục vụ cho các hoạt động văn hóa, thể thao và hội họp cũng như các hoạt động khác của thôn, làng.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí: Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Xã Ia Tô có Quy hoạch chợ nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hiện nay, việc trao đổi mua bán hàng hóa trên địa bàn xã thông qua một số điểm kinh doanh nhỏ lẻ. Có chợ tạm là nơi buôn bán giao thương hàng hóa từ năm 2018. Vì vậy không xem xét tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn của xã Ia Tô.

c) Đánh giá: Việc xét công nhận xã Ia Tô đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở xem xét đánh giá các tiêu chí còn lại trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính.
- Xã có dịch vụ viễn thông, internet.
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã đã đề nghị Bưu điện huyện lắp đặt các biển quy chế theo quy định ngành; chỉ đạo cho cán bộ phụ trách đài phát thanh thường xuyên kiểm tra hoạt động của các cụm loa, báo cáo đề nghị sửa chữa khi có hư hỏng; đầu tư lắp đặt Internet, trang bị máy vi tính, bố trí công chức tham gia tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Xã có điểm phục vụ bưu chính: Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu cung ứng và sử dụng dịch vụ. Có treo biển tên điểm phục vụ, niêm yết giá mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ. Hiện nay trên địa bàn xã đã có thùng thư phục vụ nhu cầu nhân dân, có

cán bộ chuyển phát bưu phẩm, báo chí theo quy định và là cầu nối cung ứng nhu cầu dịch vụ bưu chính trên địa bàn.

+ Xã có dịch vụ viễn thông, internet: Tất cả các thôn, làng trên địa bàn xã Ia Tô đều được phủ sóng điện thoại di động; đáp ứng về cung cấp đường truyền internet: Băng rộng cố định (cáp đồng, cáp quang) và internet băng rộng di động 3G, 4G. Tất cả các dịch vụ viễn thông, internet trên địa bàn xã đều đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

+ Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn:

Trên địa bàn xã đã được đầu tư xây dựng hệ thống Đài truyền thanh vô tuyến (Truyền thanh không dây). Đài truyền thanh không dây của xã được Cục Tần số Vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến.

Số thôn, làng có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã hoạt động tốt 15/15 thôn, làng (đạt 100%).

+ Đến nay xã đã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành như sau:

Cơ sở vật chất: Đã đầu tư trang bị máy tính phục vụ cho công tác chuyên môn của cán bộ, công chức. Hiện nay số cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của xã đạt 100%. Hệ thống máy tính của Đảng ủy xã, Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã đều được kết nối Internet băng rộng.

Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Hiện nay xã đã triển khai cài đặt và sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn, nhận/gửi văn bản chỉ đạo, điều hành qua mạng Internet. 21/21 cán bộ, công chức xã đều được thiết lập và sử dụng thư điện tử công vụ của tỉnh đạt 100 %.

Tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức: Xã có 21 máy/21 cán bộ công chức (đạt 100%).

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Nhà tạm dột nát: Không.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định $\geq 75\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Căn cứ vào Đề án và Quy hoạch nông thôn mới của xã, thường xuyên tuyên truyền, định hướng cho các hộ dân trên địa bàn các tiêu chí mẫu nhà ở nông thôn với kiểu nhà đơn giản, hài hoà với không gian nông thôn và tập quán truyền thống của người dân. Từ đó, làm cơ sở để người dân học tập và tiến tới xây dựng đồng bộ nhà ở nông thôn theo tiêu chí mới.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Nhà tạm, nhà dột nát: Hiện tại trên địa bàn xã không còn nhà tạm nhà dột nát.

+ Tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng: số lượng 3101 nhà/tổng số nhà ở 3196, đạt 97,03% (theo quy định là từ 75% trở lên).

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã đạt chuẩn về tiêu chí thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt mức quy định của vùng. Đối với khu vực xã Ia Sao, xã đạt tiêu chí thu nhập khi mức thu nhập bình quân đầu người của xã ≥ 41 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai: Tổ chức tuyên truyền các chủ trương chính sách phát triển kinh tế đến người dân; vận động các hộ dân tham gia thành viên hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Liên kết, phát triển mô hình liên kết cà phê sạch 4C...; Đăng ký và phối hợp tổ chức các lớp đào tạo nghề nông thôn như sửa chữa máy nổ, máy cắt cỏ, xây dựng, mở các lớp tập huấn về chăm sóc cây cà phê, cây dâu tằm...; Tăng cường công tác khuyến nông, làm điểm các mô hình sản xuất như trồng dâu nuôi tằm, phát triển trồng xen các loại cây ăn trái...; Lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình giảm nghèo bền vững, Nông thôn mới hỗ trợ sản xuất cho các hộ nghèo, cận nghèo phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và người dân đã phát triển trồng xen các loại cây ngắn ngày trên vườn đất tái canh cà phê, đi làm lao động cho các công ty, doanh nghiệp trên cả nước để tăng thu nhập cho gia đình.

- Kết quả:

+ Tổng số nhân khẩu toàn xã năm 2020 có 12.482 người

+ Tổng thu nhập toàn xã năm 2020 đạt: 513.516.830.000đ

Thu nhập 41,140 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.11. Tiêu chí số 11: Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí: Xã đạt chuẩn về tiêu chí hộ nghèo khi có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 $\leq 7\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hằng năm, UBND xã ra quyết định kiện toàn ban chỉ đạo giảm nghèo, xây dựng kế hoạch giảm nghèo và thực hiện rà soát hộ nghèo theo quy định.

- Các nội dung và khối lượng thực hiện:

Năm 2019, số hộ nghèo trên địa bàn xã là 126 hộ/3201 hộ chiếm 3,94% (Sau khi đã trừ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội).

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.12. Tiêu chí số 12 : Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí: Xã đạt chuẩn về tiêu chí lao động có việc làm khi có tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã vận động khuyến khích các hộ gia đình có con em trong độ tuổi nếu không thi đỗ Đại học thì chuyển sang học nghề; tập trung đẩy mạnh phát triển ngành nghề CN, TTCN, dịch vụ, thương mại nhằm thu hút và tạo việc làm cho lao động; khuyến khích người dân tiếp cận, cập nhật các thông tin về dịch vụ xuất khẩu lao động nước ngoài và đi lao động trong nước... từng bước nâng cao cơ cấu, chất lượng lao động nông thôn góp phần duy trì về tỷ lệ số lượng lao động có việc làm thường xuyên.

- Các nội dung thực hiện: UBND xã đã tiến hành rà soát lao động trên địa bàn xã. Qua khảo sát, số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động là 6.429 người, số lao động có việc làm thường xuyên là 6.329 người, tỷ lệ lao động có việc làm trên tổng số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động chiếm 98,44%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã tuyên truyền về lợi ích của việc tham gia Hợp tác xã, phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện hỗ trợ các thủ tục, hồ sơ thành lập Hợp tác xã.

- Các nội dung thực hiện:

Trên địa bàn xã hiện nay có Hợp tác xã Nông nghiệp và dịch vụ Ia Tô được thành lập ngày 01/1/2020. Hoạt động có hiệu quả đến nay.

Hợp tác xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực, đã ký hợp đồng liên kết với Công ty TNHH MTV Sơn Huyền phát Gia Lai.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục – Đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt mức quy định của vùng là $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt mức quy định của vùng là $\geq 25\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Ngành Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường tiếp tục quản lý, tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm, sinh lý của học sinh; tăng cường giáo dục đạo đức, trang bị kỹ năng sống cho học sinh dân tộc thiểu số; tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện với học sinh; tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số. Đồng thời củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi; triển khai dạy học ngoại ngữ theo chương trình mới ở những nơi có đủ điều kiện; duy trì và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Bên cạnh đó, ngành cũng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy; đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn quốc gia...

Công tác vận động, đưa con em đến trường được các cấp, các ngành, chính quyền, nhà trường và gia đình quan tâm, tạo điều kiện, đặc biệt đối với học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khuyết tật, học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, việc vận động học sinh bỏ học luôn có sự phối kết hợp giữa nhà trường và các ngành đoàn thể, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng.

Hàng năm, UBND xã thành lập đoàn đánh giá công tác xóa mù chữ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Các nội dung thực hiện:

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp: 286/286 đạt 100%.

+ Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 281/281 đạt 100%.

+ Tỷ lệ học sinh đến 14 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học: 912/980 đạt 93,06%.

+ Tỷ lệ thanh niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS: 698/771 học sinh đạt 90,5%.

+ Số học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) 657/771, đạt tỉ lệ: 85%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo 2080/5971 người đạt tỷ lệ 34,48%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 85% trở lên.
- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.
- Có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt mức quy định của vùng là $\leq 31,4\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức như thông qua hệ thống loa truyền thanh, lồng ghép trong các hội nghị... để người dân hiểu ý nghĩa, lợi ích của việc tham gia BHYT. Ngoài ra, UBND xã cũng phối hợp với đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, lập danh sách cấp thẻ BHYT cho đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số và tích cực vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện qua các hình thức hỗ trợ mua bảo hiểm y tế đối với các hộ có mức thu nhập bình quân trở xuống. Vì vậy, công tác phát triển đối tượng tham gia BHYT trên địa bàn xã không ngừng được nâng cao. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho Trạm Y tế xã và công tác chăm sóc cho sự phát triển của trẻ em.

- Các nội dung thực hiện:

- + Số người tham gia bảo hiểm y tế có 11.284/12.482 người chiếm 90,4%
- + Trạm y tế xã: Trạm y tế xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về y tế theo Quyết định số: 928/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Gia Lai.
- + Tổng số trẻ em <5 tuổi bị suy dinh dưỡng có chiều cao thể thấp còi của xã 134/935 trẻ em cùng nhóm tuổi của xã được đo chiều cao trong cùng thời điểm điều tra chiếm 14,33%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí: Xã đạt chuẩn tiêu chí về văn hóa khi có từ 70% thôn, bản, ấp trở lên đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hàng năm, UBND xã tổ chức bình xét gia đình văn hóa và thôn, làng văn hóa theo hướng dẫn và quy định của ngành.
- Các nội dung thực hiện: Có 14/15 thôn làng đạt chuẩn thôn làng văn hóa theo quy định đạt 93,33%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt $\geq 95\%$ và nước sạch đạt $\geq 50\%$.
- 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.
- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt
- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch, theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh: Đạt.
- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt.
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt $\geq 70\%$.
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt $\geq 60\%$.
- 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - + Điều tra, tổng hợp việc sử dụng nước hợp vệ sinh đối với các hộ dân trên địa bàn xã. Lấy mẫu nước giếng đào, giọt nước tại các hộ dân của mỗi thôn, làng để phân tích làm mẫu đại diện cho các hộ khác trong cùng thôn, làng trên địa bàn xã.
 - + UBND xã phối hợp với Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện yêu cầu các Công ty, doanh nghiệp, các hộ kinh doanh cá thể sản xuất kinh doanh và các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm có cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ lập hồ sơ, đề án BVMT, kế hoạch BVMT.
 - + Hàng năm, UBND xã đã tổ chức lễ phát động đến toàn thể nhân dân trên địa bàn xã, tổ chức ra quân dọn đường làng, ngõ xóm trên địa bàn thôn, làng và các khu vực công cộng, đào hố rác theo quy định, treo băng rôn, khẩu hiệu hưởng ứng. Ngoài ra, UBND xã phối hợp cùng Mặt trận và đoàn thể thường xuyên phát động ra quân dọn đường làng, ngõ xóm trên địa bàn các thôn, làng và các khu vực công cộng nhân các ngày lễ. Hội Phụ nữ xã tích cực phát động triển khai mô hình “Hàng rào xanh, con đường hoa” và mô hình “Đào hố rác, trồng cây xanh”.
 - + Xây dựng quy hoạch chi tiết, quy chế hoạt động theo hương ước của từng thôn, làng các nghĩa trang nhân dân.
 - + Phối hợp với Phòng Tài nguyên Môi trường, đơn vị thi công đặt 32 bể bê tông đựng vỏ bao bì thuốc BVTV sau sử dụng.
 - + UBND xã phối hợp các Phòng: Nông nghiệp và PTNT, Y tế, Kinh tế - Hạ tầng rà soát, vận động các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm ký cam kết tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm.

- Các nội dung thực hiện:

+ Có 3.126/3.126 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; có 2.207/3.126 hộ sử dụng nước sạch đạt 70,6%.

+ Có 35/35 hộ gia đình, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã có cam kết bảo vệ môi trường được UBND huyện xác nhận; có 35/35 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã.

+ Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt

UBND xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên xã đã ban hành các kế hoạch xây dựng mô hình “Hàng rào xanh, con đường hoa” và kế hoạch mô hình “Đào hố rác, trồng cây xanh”. 15/15 thôn, làng có hương ước bảo vệ môi trường. 2.811/3.126 hộ (đạt 89,92%) thực hiện chỉnh trang hàng rào cổng ngõ. Không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan. Hồ ao, kênh mương, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ.

+ Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Đạt.

UBND xã đã thực hiện cấm mốc nghĩa trang nhân dân tại các thôn, làng và ban hành quy chế quản lý nghĩa trang trên địa bàn xã.

Việc an táng người chết được thực hiện phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán tốt đẹp, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh, hiện đại.

Chất thải từ hoạt động nghĩa trang, đã thu gom và xử lý trong khuôn viên nghĩa trang.

+ Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:

UBND xã đã có đề án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. UBND huyện đã có Quyết định phê duyệt đề án thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV. Đến nay xã đã Phòng xây dựng 32 bể chứa rác thải, bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật đặt tại các khu vực sản xuất của các thôn, làng bước đầu cho thấy có những chuyển biến tích cực trong việc thu gom rác thải thuốc bảo vệ thực vật.

Đối với rác thải sinh hoạt từ các hộ dân trên địa bàn xã: UBND xã đã hợp đồng với đội quản lý đô thị huyện Ia Grai thực hiện việc thực hiện thu gom xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã cho người dân định kỳ 2 lần/tuần.

Đối với chất thải rắn y tế tại Trạm y tế xã đã được hợp đồng với Trung tâm y tế huyện thu gom, xử lý theo quy định.

+ Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Trên toàn xã có 2.674/3.126 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 85,8%; có 2.725 /3.126 hộ có nhà tắm hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 87,1%; có 2922/3.126 hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 93,5 %; có 2.897/3.126 hộ đảm bảo 3 sạch đạt tỷ lệ 92,7%.

+ Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Trên toàn xã có 455 hộ chăn nuôi, trong đó 369 hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh chiếm tỉ lệ 81,2%.

+ Hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Đánh giá nội dung tiêu chí 17.8 về Hộ gia đình, cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT: 3.072/3.072 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Đánh giá nội dung tiêu chí 17.8 về Hộ gia đình, cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công thương 64/64 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Đánh giá nội dung tiêu chí 17.8 về Hộ gia đình, cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế: 19/19 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.
- Có 100% tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công tác xây dựng chính quyền, bộ máy cán bộ, công chức luôn được quan tâm về số lượng và chất lượng; tình trạng tảo hôn và bảo đảm bình đẳng giới luôn được phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân qua hệ thống loa đài và các cuộc họp thôn, làng.

- Các nội dung thực hiện:

+ Có 20/21 cán bộ, công chức đạt chuẩn đạt tỷ lệ 95,23%. (chưa đạt)

+ Xã Ia Tô có đầy đủ 7/7 tổ chức chính trị được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền gồm: Đảng bộ xã, HĐND-UBND xã, UB MTTQVN xã, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ (Đạt).

+ Đảng bộ xếp loại: Chưa có kết quả đánh giá của Ban thường vụ Huyện ủy.

Chính quyền xếp loại năm 2020: Chưa có kết quả đánh giá của Ủy ban nhân dân huyện. (Chưa đánh giá được).

+ Có 5/5 tổ chức chính trị xã hội được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. (Đạt)

+ Xã chưa hoàn thiện hồ sơ gửi cho Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện nên chưa tổ chức họp xem xét đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020. (Chưa đánh giá được).

+ Xã được đánh giá đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội được thể hiện:

Có 124 phụ nữ/124 phụ nữ chiếm tỷ lệ 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức.

Các trường hợp tảo hôn giảm dần qua các năm: năm 2016 là 30 trường hợp, năm 2017 là 23 trường hợp, năm 2018, 2019, 2020 không có trường hợp cưỡng ép kết hôn.

Mỗi tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã theo quy định.

Có mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng được đặt tại Trạm y tế xã và trường học tại các thôn, làng.

Đáp ứng yêu cầu tỷ lệ nữ Ủy viên cấp ủy xã đạt 33,33% trở lên.

Có 01 cán bộ nữ tham gia Ban thường vụ Đảng ủy xã.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Chưa đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Về Quốc phòng:

+ Lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ quân sự, Quốc phòng cơ sở: Đạt 5/5.

+ Xây dựng ban chỉ huy quân sự và dân quân xã: Đạt 5/5.

+ Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh rộng khắp: Đạt 4/4.

+ Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng: Đạt 8/8.

- Về an ninh trật tự:

+ Đảng ủy có Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự và triển khai thực hiện có hiệu quả duy trì ổn định, bền vững an ninh trật tự trên địa bàn; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh trật tự cơ sở.

+ Không để xảy ra các hoạt động: Chống đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng; tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật; hoạt động ky khai, đòi tự trị, gây rối an ninh trật tự. Không để xảy ra các hoạt động khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

+ Triển khai cơ bản, hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, bao gồm: Không để xảy ra trọng án trên địa bàn; không có công dân của xã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; các vụ việc được phát hiện và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời. Kiểm chế, làm giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác so với năm trước. Không để xảy ra cháy nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của xã gây ra trên địa bàn.

+ Lực lượng Công an xã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ được giao; không có cá nhân bị kỷ luật hình thức cảnh cáo trở lên. Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố, đảm bảo về số lượng và hoạt động theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Công an.

+ Xã đạt chuẩn “An toàn về An ninh trật tự” theo quy định của Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an.

Đạt 05/05 tiêu chí về “An ninh trật tự xã hội và đảm bảo bình yên”.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới: Qua rà soát, báo cáo của UBND xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ của UBND xã Ia Tô đầy đủ theo yêu cầu tại khoản 3, Điều 8, Chương II của Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Ia Tô đã được các cơ quan Thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách tiêu chí của huyện thẩm tra và công nhận đạt chuẩn

nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 18/19 tiêu chí, đạt 94,73%. 01 tiêu chí chưa đạt là tiêu chí 18 (nội dung 18.1 có 01 cán bộ công chức chưa đạt chuẩn trình hội đồng thẩm định xem xét, nội dung 18.3 và 18.5 chưa tổ chức đánh giá).

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới: Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

III. KIẾN NGHỊ

- Kính đề nghị Ban thường vụ Huyện ủy sớm tổ chức xếp loại đối với Đảng bộ xã Ia Tô.

- Đề nghị UBND huyện sớm tổ chức đánh giá xếp loại chính quyền xã Ia Tô năm 2020. Quan tâm, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện công trình cơ sở hạ tầng và các dự án lồng ghép trên địa bàn xã năm 2020 để thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân.

- Đề nghị UBND huyện xem xét trả lời bằng văn bản cho xã Ia Tô về kết quả thẩm tra hồ sơ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 để UBND xã Ia Tô, Văn phòng Điều phối NTM huyện căn cứ hoàn thiện hồ sơ.

- Đề nghị Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện sớm tổ chức họp xem xét đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 đối với xã Ia Tô.

- Đề nghị các đơn vị phụ trách tiêu chí gửi hồ sơ về các sở ban ngành kiểm tra trước thời gian các sở ban ngành về thẩm định.

- Đề nghị UBND xã Ia Tô thống nhất số hộ, số nhân khẩu với các đơn vị phụ trách tiêu chí, đảm bảo trùng khớp giữa các tiêu chí, gửi báo cáo về VPĐP NTM trước ngày 13/10/2020 để tham mưu xây dựng báo cáo xây dựng NTM cho UBND huyện.

Trên đây là báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Ia Tô năm 2020 của Văn phòng Điều phối NTM huyện, kính báo để UBND huyện được biết và có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- UBND xã Ia Tô;
- Các cơ quan thành viên BCD;
- Lưu VPĐPNTM.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Phan Đình Thắm

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
Xã Ia Tô, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-VPĐPNTM ngày 09/10/2020 của Văn phòng Điều phối NTM huyện)

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo QĐ 250/QĐ-UBND tỉnh	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
I. Quy hoạch					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	
II. Hạ tầng kinh tế-xã hội					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa 100%	Có 16,07km đạt chuẩn / tổng số 16,07km (Đạt 100%)	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$	17,18km đạt chuẩn / tổng số 20,52km, (Đạt 83,7%).	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt 100%, Trong đó tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$	Có 32,44km đạt chuẩn / tổng số 52,31 km được cứng hóa (Đạt 62,01%) . còn lại sạch không lầy lội vào mùa mưa	
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$	Có 34,1km đạt chuẩn/ tổng số 48,55 km, (Đạt 70,24%).	

3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên (Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới và Diện tích gieo trồng cả năm được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí)	Đạt	Có 3.845/3.845 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (Đạt 100 %)	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 98\%$	Có 3.107/3.126 hộ sử dụng điện an toàn và thường xuyên từ các nguồn (Đạt: 99,4%).	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	$\geq 70\%$	Có 5/6 trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định. (Đạt 83,3%)	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Theo quy định của tỉnh	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Theo quy định của tỉnh	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	Có 15/15 thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa.	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Theo quy định của tỉnh	Không xem xét đánh giá	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Theo quy định của tỉnh	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Theo quy định của tỉnh	Đạt	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Theo quy định của	Đạt	

			tỉnh		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Theo quy định của tỉnh	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Đạt	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 75\%$	Có 3.101/ tổng số 3.126 nhà ở, (Đạt 99,2%)	
III. Kinh tế và tổ chức sản xuất					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm)	Năm 2020 ≥ 41 triệu đồng	41,14 triệu đồng/người/ năm	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 7\%$	Có 126 hộ/3201 hộ chiếm 3,94%	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$	Có 6.329/6.429 người, chiếm 98,44%.	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Xã có HTX Sản xuất và dịch vụ Liên kết hoạt động theo đúng quy định của luật HTX năm 2012	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	
IV. Văn hóa – xã hội – môi trường					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	$\geq 70\%$	Có 657/771 học sinh tốt nghiệp THCS được học lên (Đạt 90,5%)	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 25\%$	Lao động qua đào tạo 2080/5971 lao động Đạt 34,48%	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$	Có 11.284/12.482 người tham gia BHYT/tổng	

				số dân (Đạt 90,4%)	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 31,4\%$	Có 134/935 trẻ em bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiếm 14,33%) Đạt	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 70\%$	Có 14/15 thôn, làng đạt chuẩn văn hóa. Đạt 93,33%	Đạt
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 95\%$ ($\geq 50\%$ nước sạch)	Có 3.126/3.126 hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% Có 2.207/3.126 hộ sử dụng nước sạch đạt 70,6%.	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Có 35/35 cơ sở SXKD cam kết BVMT được UBND huyện xác nhận; 35/35 cơ sở SXKD cam kết BVMT với UBND xã (Đạt 100%)	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Theo quy định của tỉnh	Đạt	
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	Có 2.674/3.126 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 85,8%; có 2.725 /3.126 hộ có nhà tắm hợp vệ sinh đạt	

				tỷ lệ 87,1%; có 2922/3.126 hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 93,5 %; có 2.897/3.126 hộ đảm bảo 3 sạch đạt tỷ lệ 92,7%.	
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 60%	Có 369/455 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (Đạt 81,2%)	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Có 3.072/3.072 hộ, cơ sở. (Đạt 100%)	
V. Hệ thống chính trị					
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	100%	Có 20/21 Cán bộ đạt chuẩn (94,73%.) Chưa đạt	Chưa đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Chưa đánh giá	
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	Có 05/ 05 tổ chức (Đạt100%)	
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Chưa đánh giá	
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	
19.	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt

		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	
Tổng hợp: Xã có 18/19 tiêu chí đạt chuẩn NTM và 01 tiêu chí cần bổ sung hoàn thiện.					